

PHẬT GIÁO VÀ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

Rev. William Beaumont Edwards*

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là gì? Ai nói rằng đã có cuộc cách mạng công nghiệp thứ tư đó? Và nếu thực sự có xảy ra, nó bao gồm những yếu tố nào? Nếu phải, chúng ta cũng đã thuộc trong đó. Vậy, trước khi đưa ra thảo luận về hệ quả của trí tuệ nhân tạo trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này, tôi sẽ cung cấp một số nền tảng liên quan đến việc làm thế nào mỗi cuộc cách mạng công nghiệp đã gây ra những thay đổi lớn trong động lực của nền văn minh nhân loại.

Tôi nghĩ rằng tất cả chúng ta đều không thể phủ nhận sức bật của Phật giáo. Không giống như nhiều truyền thống tôn giáo thế giới, Phật giáo có khả năng thích nghi tùy thời và dễ dàng tồn tại dưới bất kỳ thay đổi nào trong những chức năng mà nó biểu thị. Một ví dụ để làm rõ những gì tôi muốn nói đó là nhận xét của Ngài Đạt Lai Lạt Ma, khi một người phỏng vấn hỏi Ngài ấy rằng: “Các Phật tử sẽ làm gì nếu khoa học chứng minh điều gì đó trong các văn bản Phật giáo là không chính xác? Ngài Đạt Lai Lạt Ma trả lời đơn giản rằng: “Chúng tôi sẽ đi cùng với khoa học”.

Chúng ta sẽ đi cùng với khoa học: Đức Phật từng dạy rằng dấu hiệu đầu tiên trong năm dấu hiệu của một người ngu là người tin vào tính không thể sai lầm của một văn bản tôn giáo (Panca Ligani Jayde: Vedapramanayam Kasyacit, kartivadah, snana dharmeccha jativadavalahahah nam panca ligani jadye. Vedas là thuật ngữ mà Ngài đã sử dụng, nó áp dụng cho bất kỳ văn bản tôn giáo nào, bao gồm các văn bản tôn giáo của chúng ta. Hẳn chúng ta vẫn còn nhớ?

* Người dịch: Thích Tịnh Nguyên

Đức Phật từng dạy đừng nên tin bất cứ điều gì chỉ vì điều ấy được chính đức Phật nói ra, chỉ khi nào tự mình chứng nghiệm và biết rõ bằng lý trí.) Tôi nhận ra quan niệm đặc biệt này là khá tranh cãi. Và có vẻ như việc đưa ra điều này nằm ngoài phạm vi của đề mục trong tâm tay. Nhưng tôi vẫn ủng hộ giá trị của câu nói ấy, và kể cả tin tưởng điều đó, bởi vì tôi muốn nhấn mạnh thực tế rằng Phật giáo không dựa trên đức tin, Phật giáo dựa trên lý trí. Niềm tin, hay lòng tin tưởng, (Saddha) trong Phật giáo thường đến sau đó. Niềm tin dựa trên lý trí là bất hoại. Khả năng tiếp cận kỹ nguyên mới của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với logic, lý tính và sự hiểu biết là rất quan trọng. Và, đơn giản vì nó bắt nguồn từ lý tính, truyền thống tôn giáo Phật giáo có thể cung cấp điều đó.

Một ví dụ nữa về nét độc đáo này là Phật giáo còn chỉ ra rằng chúng sanh không chỉ tồn tại trên trái đất, mà còn “lan tỏa vào toàn bộ vũ trụ”, tuyên bố này đã bị từ chối bởi nhiều tôn giáo lớn khác trên thế giới một cách thâm thương. Một lần nữa, tính độc đáo này gắn liền với sự chuẩn bị tự nhiên của Phật giáo để chấp nhận động lực thay đổi nền văn minh của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong tương lai rất gần, sẽ cho chúng ta tiếp xúc với các nền văn minh khác trong vũ trụ nhờ những tiến bộ công nghệ của con người như khả năng của máy tính lượng tử để cày qua hàng tỷ bit nhập dữ liệu được cung cấp bởi kính viễn vọng thông minh của những nhà cung cấp điện tử. Vì vậy, nếu quả thật là như thế, thì phản ứng và trách nhiệm của cộng đồng Phật giáo thế giới là gì?

Một khởi đầu quan trọng đáng lưu tâm của cả bốn cuộc cách mạng công nghiệp là ngành thương mại cổ xưa giữa các quốc gia đầu tiên của chúng ta, đặc biệt là buôn bán tơ lụa. Buôn bán tơ lụa là một ngành công nghiệp bắt nguồn từ thời nhà Hán vào năm 207 trước Công nguyên, khoảng 280 năm sau khi đức Phật qua đời. Đến năm 114 trước Công nguyên, các tuyến thương mại của ngành công nghiệp sơ khai này đã mở rộng từ Trung Quốc sang Hàn Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á, Châu Phi và Châu Âu. Các ý tưởng văn hóa và tôn giáo khác nhau đã được trao đổi khi các thương nhân tơ lụa chuyển sản phẩm của họ từ quốc gia này sang quốc gia khác. Trước thời điểm đó, hầu hết các truyền thống tôn giáo là đặc trưng của địa phương. Do đó, Phật giáo, là một tôn giáo có nguồn gốc từ châu Á, đã được lan rộng ra khỏi khu vực đó nhờ vào những thương nhân này thường di chuyển về phía tây, thậm chí đến tận châu Âu.

Trong mọi tình huống, những năm đầu tiên, cuộc cách mạng công nghiệp được cho là đặc trưng bởi việc tạo ra các thiết bị cơ khí phức tạp hơn và năng lượng được tạo ra bởi nước và hơi nước. Và trong thời đại này, việc đốt than, nhiên liệu hóa thạch sắp được sử dụng rộng rãi, đầu tiên là bắt đầu thay thế gỗ, như một nguồn năng lượng hiệu quả hơn.

Ngay trước cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, các động cơ chạy bằng bánh xe quay bởi dòng nước/hơi nước đầu tiên, được gọi là bánh xe nước (tua-bin), được xây dựng gần các dòng chảy hoặc thác nước chảy xiết. Hạn chế của chúng là sự phụ thuộc vào nguồn nước chảy nhanh này. Nhưng, vào thời Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, các cá nhân như John Smeaton và Benoit Fourneyron đã giải quyết vấn đề này bằng các tua-bin nước hiện đại và hiệu quả hơn. Những nhà máy nước này cuối cùng đã rơi vào tình trạng không sử dụng năng lượng đốt than. Tuy nhiên, vào thế kỷ XX, các tua-bin nước lớn như đập Aswan và đập Hoover bắt đầu được sử dụng để tạo ra một lượng năng lượng khổng lồ để cung cấp năng lượng cho không chỉ các thị trấn và thành phố, mà cả các quốc gia. (Nhân tiện, năng lượng nước, dưới dạng lực thủy triều, đang được sử dụng lại như một phương án thay thế cho việc đốt nhiên liệu hóa thạch.)

Tôi không muốn nêu ra ấn tượng rằng: Cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên là lần đầu tiên than được sử dụng làm nguồn năng lượng. Than có một lịch sử đáng thu hút. Đế chế La Mã, mặc dù ở mức độ thấp hơn, đã sử dụng than làm nhiên liệu trong thế kỷ thứ II. Người Anh bắt đầu khai thác than vào thế kỷ XVIII. Thực tiễn này sớm lan sang Châu Á và Châu Mỹ cũng như phần còn lại của Châu Âu. Đến thế kỷ XIX, các hoạt động khai thác than dưới lòng đất ra đời, và nhiều người dân thường đã có được việc làm nhờ ngành công nghiệp mới này; nhưng không phải không có những nguy hiểm nghề nghiệp nghiêm trọng và rủi ro sức khỏe. Các ông trùm than đá đã đàn áp công nhân của họ (một trong số đó là trẻ em) bằng những công việc mạo hiểm trong giờ làm việc không thể chịu nổi với mức lương không thỏa đáng, vì vậy chính những ông trùm đó đã trở nên giàu có một cách đáng kinh ngạc. Những ông trùm than đá này đã tạo ra thể tín dụng dựa trên các cửa hàng bán lẻ trực tuyến, nơi cung cấp cho các công nhân than hoặc các công ty khai thác than các loại hàng hóa và dịch vụ, nhưng với chi phí đáng

kể; để thê tịn dụng không bao giờ có thể được trả hết; do đó buộc những người khai thác mỏ và gia đình của họ trở thành nô lệ kinh tế. Sự gia tăng của các công đoàn lao động bắt đầu đảo ngược làn sóng lao động nô lệ ảo trong các mỏ than này; nhưng không phải là không có thời hạn phục vụ của nhiều nhà lãnh đạo lao động khai thác mỏ, những người trở thành mục tiêu của những ông trùm than đá đã từ chối cung cấp cho công nhân của họ một mức lương để sống và điều kiện làm việc an toàn hơn.

Những năm của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai được đặc trưng bởi những đổi mới khoa học, sản xuất hàng loạt thông qua khái niệm dây chuyền lắp ráp của Henry Ford và việc sử dụng điện mở rộng. Ngoài ra, một giai đoạn lớn của cuộc cách mạng công nghiệp thứ hai này là sự ra đời của xăng - một loại nhiên liệu hóa thạch dễ bay hơi, không ổn định - được sử dụng chủ yếu cho nhiên liệu ô tô. Máy điện báo, nguồn truyền thông đại chúng đầu tiên được ra đời. Và đường sắt, nguồn vận chuyển hàng loạt thực sự khả thi đầu tiên, đã được phát triển. Vào tháng 12 năm 1903, Orville và Wilbur Wright đã tạo ra chiếc máy bay chạy bằng xăng đầu tiên, trong tương lai sẽ trở thành một nguồn vận chuyển hàng loạt khổng lồ.

Cũng trong giai đoạn sau của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai này, một nguồn năng lượng mới và đáng sợ đã được phát hiện, năng lượng hạt nhân. Thật không may, công dụng đầu tiên của nó là ở dạng vũ khí tàn phá đã được thả xuống các thành phố Hiroshima và Nagasaki của Nhật Bản. Mặc dù dạng năng lượng này được coi là nhanh và có hiệu quả cao, vì một sai lầm mà tính hiệu quả và độ thuần này đã biến mất, chẳng hạn: Chernobyl, Fukushima và đảo Three Mile.

Do đó, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba (thường được gọi là thời đại hạt nhân) được đặc trưng bởi việc tạo ra các nhà máy điện hạt nhân, với lời hứa tiếp tục các nhà máy điện hạt nhân mới hiệu quả hơn trên đường chân trời. Bất chấp lời hứa đó, những nguy hiểm cố hữu vẫn tồn tại. Hy vọng, chúng ta sẽ sớm thấy sự ra đời của các nhà máy điện nhiệt hạch lạnh để thay thế các nhà máy điện phân hạch, một sự thay thế năng lượng ít nguy hiểm hơn. Ngoài các nhà máy điện nhiệt hạch lạnh và phân hạch, các nguồn năng lượng mặt trời, gió, địa nhiệt và thủy triều cung cấp các nguồn năng lượng dường như vô tận,

an toàn hơn, trái ngược với các rủi ro được công nhận trong các nguồn nhiên liệu hóa thạch và hạt nhân.

Với việc tạo ra máy tính và tự động hóa, các cuộc cách mạng công nghiệp thứ ba và thứ tư dường như trùng lặp. (Thật vậy, cuộc cách mạng công nghiệp 1.0 dường như trùng lặp với cuộc cách mạng công nghiệp 2.0; cuộc cách mạng công nghiệp 2.0 dường như trùng với cuộc cách mạng công nghiệp 3.0.) Vì vậy, tại thời điểm này, tôi sẽ tiên phong và thảo luận về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - hãy nhớ rằng nó trùng lặp với cuộc cách mạng công nghiệp 3.0.

Cố đại lão Hòa thượng Tiến sĩ K. Sri Dhammananda đã viết một chương được gọi là “Ai chịu trách nhiệm cuộc đời bạn?” trong cuốn sách của mình “Vì sao tin Phật”. Tổ chức Giáo dục Phật giáo coi thông điệp trong chương đó rất quan trọng đến nỗi họ đã in chương đó thành một quyển sách nhỏ. Vì vậy, bạn có trách nhiệm, tôi chịu trách nhiệm, chúng ta chịu trách nhiệm, nhân loại chịu trách nhiệm; chứ không phải là một thượng đế hay một nữ thần sống trong những đám mây phía trên chúng ta. Nếu chúng ta vô trách nhiệm với giới hạn văn minh mới tuyệt vời nhưng đầy biến động này, chúng ta sẽ tự hủy hoại chính mình. Vì vậy, trách nhiệm này là bắt buộc khi chúng ta dẫn thân vào cuộc phiêu lưu mới mang tên Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phần lớn, được đặc trưng bởi trí thông minh nhân tạo.

Trong một cuốn sách được đặt tên một cách thích hợp “Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, Claus Schwab mô tả cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 này là các hệ thống vật lý không gian mạng và nhà máy thông minh, nhà máy của tương lai. Do đó, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư được minh họa bằng sự trỗi dậy của trí tuệ nhân tạo. Cuộc cách mạng này, mặc dù hấp dẫn, biểu thị một tình huống tiến thoái lưỡng nan về đạo đức cho cộng đồng Phật giáo thế giới do sự phát triển của trí tuệ nhân tạo này.

Sự kỳ diệu ở khả năng của máy in 3D có thể sao chép hầu như mọi thứ người ta có thể đặt vào nó, có khả năng thay đổi căn bản nền tảng của nền văn minh nhân loại. Thật vậy, khả năng tái tạo thực phẩm của máy in 3D từ các sản phẩm thải đã làm cho nạn chết đói, tai họa của nhiều thế kỷ, hầu như không còn tồn tại. Theo một bài viết từ số báo USA Today vào ngày 21 tháng 2 năm 2018, nếu trong tương lai gần, ai đó đang cần ghép

tim, một quy trình gọi là in ấn sinh học có thể được sử dụng để in 3D cho bệnh nhân một trái tim mới. Các tế bào máu của bệnh nhân được đưa vào máy in và sau đó, bằng cách sử dụng các phép đo từ MRI của tim bệnh nhân, trái tim mới được sao chép bằng máy in 3D.

Tuy nhiên, như với tất cả những tiến bộ khoa học công nghiệp vĩ đại, mỗi nguy hiểm bao giờ cũng đi đôi với phép màu của nó. Vì vậy, tôi sẽ đặt ra một thuật ngữ: “ASB”, viết tắt của cụm từ “chúng sinh nhân tạo”. Các nhà khoa học thậm chí còn có thể tạo ra các mô hình in 3D bộ não của con người. Trên thực tế, các hướng dẫn có thể được tìm thấy trên internet về cách in 3D mô hình bộ não của chính bạn. Điều này đặt ra câu hỏi: Nếu một máy in 3D có thể tạo ra thực phẩm ăn được và một trái tim mới có thể sử dụng được thì sẽ mất bao lâu trước khi bộ não con người được in ra có thể sử dụng được; giả sử rằng điều đó vẫn chưa được thực hiện? Một nhóm các nhà thần kinh học tại đại học Wollongong ở Úc đang phát triển mô tế bào não để chống lại tình trạng thoái hóa não.

Rõ ràng, một trong những thách thức của việc phát triển não người nhân tạo là có thể bắt chước các phương pháp điện hóa của não hữu cơ. Nhưng trong một bài viết của Bridget O’neal, trên trang web <http://3Dprint.com>, việc sử dụng công nghệ nano với điện có thể giải quyết được vấn đề đó. Tuy nhiên, cơ quan của não người là một dạng điện chậm hơn so với dòng điện nói chung. Có vẻ như nếu một bộ não như vậy có thể được tạo ra, nó sẽ hoạt động nhanh hơn cơ quan bộ não của con người chúng ta, có lẽ là ở tốc độ ánh sáng.

Nếu như chúng ta có thể tạo ra não người bằng công nghệ in 3D, vậy câu hỏi đặt ra là liệu ta có khả năng tạo ra cơ thể người với bộ não bên trong bằng công nghệ in 3D? Giả thuyết này của Frankenstein dường như không còn là khoa học viễn tưởng, mà sẽ sớm trở thành khoa học thực tế. Làm thế nào để chúng ta - các Phật tử, có thể giải đáp được câu hỏi này? Những hàm ý ấy đối với chúng ta khá rõ ràng. Đoạn kết của Kinh Từ Bi có đoạn:

“Như tấm lòng người mẹ

Đối với con của mình

Trọn đời luôn che chở

Con độc nhất mình sanh
 Cũng vậy đối tất cả
 Các hữu tình chúng sanh
 Hãy tu tập tâm ý
 Không hạn lượng rộng lớn”

Đoạn này từ Kinh Từ Bi dường như cho thấy rằng bất kỳ chúng hữu tình thông minh nào, nhân tạo hay không, đều nên được tôn trọng như một bình đẳng.

Do đó, sẽ là không thể nếu một con người ASB được tạo ra và chứa đủ năm yếu tố tích tụ bao gồm “thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư và nhận thức” và nó cũng sẽ không xứng đáng với sự tôn kính tương tự mà chúng ta sẽ dành cho con người có nguồn gốc hữu cơ. Các câu hỏi thú vị bắt đầu nảy sinh: Liệu ASB này có khả năng để đạt được Niết bàn (Nibbana) như một chúng hữu tình có nguồn gốc hữu cơ?

Trong thực tế, nếu nó tuân theo sơ đồ hữu cơ của con người, nó sẽ không có ý thức về bản thân và sức mạnh của tư tưởng nhận thức như chúng ta? Liệu nó có thể cười và khóc như chúng ta không? Liệu nó có thể thưởng thức hay tạo ra âm nhạc và nghệ thuật như chúng ta không? Đây là những câu hỏi mà xã hội nên tự đặt ra trước khi chúng ta tiến xa hơn với công nghệ này. Chúng ta có thể bước vào một cõi nơi mà chúng ta, những người có nguồn gốc hữu cơ, sẽ vì thiếu một thuật ngữ tốt hơn, đã trở thành những vị thần sáng tạo. Những hàm ý thật đáng kinh ngạc.

Câu nhắc thế hệ tiếp theo của ô tô điện, hiện đang được phát triển trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nỗi lo về sự thay đổi khí hậu của con người do đốt nhiên liệu hóa thạch đã châm ngòi cho việc tìm kiếm các nguồn năng lượng khác để điều khiển các phương tiện giao thông, sưởi ấm ngôi nhà chung của chúng ta, v.v ... Khởi đầu của sự đổi mới này là công nghệ máy tính tự động đang phát triển tới đỉnh điểm đến mức những chiếc xe có thể tự lái. Chẳng mấy chốc mà con người sẽ không còn lái ô tô nữa; trí thông minh nhân tạo sẽ điều khiển các phương tiện và mọi người chỉ cần ngồi đó. Những chiếc xe ô tô sẽ trở nên thông minh như thế nào? Chúng ta có thể nói chuyện với những chiếc xe ô tô; bằng cách hỏi bảng điều

khiến để biết đích đến của mình và bảng điều khiển sẽ trả lời lại. Liệu một ngày nào đó sẽ có người tranh cãi với bảng điều khiển thông minh nhân tạo của họ, làm cho chiếc xe nổi giận để nó tấp vào lề đường trong cơn giận dữ và không chịu di chuyển không? Mặc dù chỉ là một suy nghĩ hài hước, nhưng đó cũng là một khả năng đáng lo ngại.

Nếu quá trình tự động hóa thông minh - ở Clause Schwabs biến các nhà máy thông minh - tiếp quản cái mà chúng ta gọi là “công việc”, thì việc nhìn thấy con người trực tiếp lao động có khả năng sẽ trở thành quá khứ. Nếu trí tuệ nhân tạo, hoặc ASB, thống trị tất cả các môi trường làm việc, chúng ta sẽ phải làm gì? Có vẻ như chúng ta sẽ có nhiều thời gian nhàn rỗi hơn. Nghề nghiệp tiếp theo của chúng ta sẽ được phân loại theo các hoạt động như giáo dục và khám phá vũ trụ?

Bước vào vấn đề đạo đức: Liệu con người ASB có trở thành nô lệ cho con người hữu cơ hay không? Nếu điều đó xảy ra, liệu sẽ có cuộc nổi dậy của ASB, như các công ty khai thác than đã làm với những ông trùm than đá không? Chế độ nô lệ được coi là một vết nhơ khắc nghiệt trong lịch sử loài người của chúng ta. Ở một số khu vực trên thế giới, nạn áp bức nô lệ vẫn còn tồn tại. Sự khuất phục của một chúng hữu tình thông minh khác, có thể là ASB hoặc nếu không sẽ là một vấn đề nào đó về đạo đức.

Mặt khác, ASB sẽ có bộ não điện tử nhanh hơn, hiệu quả hơn so với bộ não hữu cơ vốn chậm hơn của chúng ta, khi bắt đầu nhận thấy những con người hữu cơ như một mối phiền toái và quyết định loại bỏ chúng ta, liệu có thể gây ra một cuộc chiến giữa ASB và con người hữu cơ? Điều này gợi chúng ta nhớ đến các bộ phim Terminator, trong đó, Tiến sĩ Miles Dyson, người đã phát minh ra một vệ tinh quân sự có trí thông minh nhân tạo có tên là Sky Skynet, mở ra nhân loại và tạo ra ASB của riêng mình; gọi là đầu mối; mà nó gửi đi để tiêu diệt con người hữu cơ. Tất nhiên, đây chỉ là khoa học viễn tưởng. Nhưng, xin nhắc lại một lần nữa, khoa học viễn tưởng thường trở thành sự thật khoa học; như trong các tác phẩm của Jules Verne và H. G. Wells.

Đã có những cảnh báo về công nghệ đặc biệt này của các nhà khoa học như Tiến sĩ Steven Hawking, người đã lên tiếng trong một cuộc phỏng vấn với BBC rằng những nỗ lực tạo ra các cỗ máy tư duy

gây ra mối đe dọa cho chính sự tồn tại của chúng ta; Ông cho rằng sự phát triển của trí tuệ nhân tạo có thể báo hiệu cho sự suy tàn của loài người. Ông đã cảnh báo những người phát triển công nghệ này nên tiến hành khá thận trọng.

Liệu có phương án thay thế nào khác để không cho phép công nghệ trí tuệ nhân tạo phát triển hơn nữa? Chúng ta đều biết điều đó sẽ không xảy ra. Giá mà có một biện pháp để làm một điều gì đó (bản chất vốn có của con người chính là phải làm điều đó). Vì vậy, công nghệ này đang phát triển hơn, dù chúng ta có thích hay không thì điều đó cũng không thể dừng lại được. Vì thế cho nên, chúng ta sẽ phải học cách sống trong hòa bình và hòa hợp với sự hiện diện sớm của ASB.

Cùng với sự thận trọng mà Stephen Hawking đã đề cập, sẽ là khôn ngoan nếu tạo ra trí tuệ nhân tạo có cảm giác về tình yêu, sự đồng cảm và rộng lượng; những mối xúc cảm của con người. Mặt khác, những cảm xúc của con người như giận dữ, thù hận và ghen tị là những cảm xúc mà những người tạo ra ASB nên tránh; Nhưng điều đó liệu rằng có thể? Vì những cảm xúc tích cực và tiêu cực được kích hoạt bởi các mặt đối lập cực kỳ trái ngược với nhau, nếu có thể, liệu có nên thận trọng để tránh đưa các cảm xúc vào ASBs? Thêm vào đó, cần cân nhắc rằng hầu hết những tiến bộ khoa học của chúng ta đã xuất hiện thông qua nhu cầu quân sự trong thời chiến, như với vũ khí hạt nhân. Liệu rằng một quốc gia bất hảo sẽ cố gắng tạo ra các quân đoàn gồm những người lynch ASB vô cảm?

Đây là một lĩnh vực, trái ngược với các học thuyết của các tôn giáo trên thế giới khác, Phật giáo và các Phật tử có thể là những nhà lãnh đạo có đạo đức kiên định, theo hướng đi bởi những phức tạp của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư này. Chúng ta có thể đưa ra một học thuyết về quyền bình đẳng cho chúng sinh nhân tạo. Và chúng ta, với tư cách là Phật tử, sẽ được khuyên nên bắt đầu việc vận động hiệu quả cho một nhiệm vụ như vậy.

Câu hỏi đặt ra tất nhiên là: “Làm cách nào?”

Hãy bắt đầu bằng cách xem xét vấn đề này liên quan đến Tam pháp ấn (Three Marks of Existence hay còn gọi là Three Dharma Seals) và khái niệm Đại thừa về Tứ pháp ấn. Tam pháp ấn, tức là ba dấu ấn chắc thật của cuộc đời được định nghĩa là khổ, vô thường và

vô ngã. Tứ pháp ấn được định nghĩa là khổ, vô thường, vô ngã và niết bàn.

Đau khổ, hay dukkha, là một sự trải nghiệm phổ quát. Bất kỳ sinh vật nào sở hữu thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư và nhận thức đều trải qua nỗi khổ niềm đau, cho dù đó là một trải nghiệm nhỏ như móng chân hay là trải nghiệm lớn như mất người thân hoặc bị bệnh nghiêm trọng, tai nạn... Tôi không muốn đánh lạc hướng và làm bạn nhầm chán với một cuộc thảo luận mang tính trị liệu nỗi khổ niềm đau; nhưng để rõ ràng trong cuộc thảo luận này, chúng ta nên nhớ rằng dukkha - đau khổ, tức là những hoàn cảnh không làm ta hài lòng, những mong muốn không được thực hiện và những cảm giác không an toàn - đều là một trải nghiệm phổ quát. Và nó sẽ được trải nghiệm bởi các ASB. Vì vậy, các nhà khoa học - những người thiết kế ra các ASB sẽ được khuyến nên cân nhắc về nỗi khổ niềm đau trong khi thực hiện. Và phải cài đặt trong ASB các công cụ tâm lý để đối phó với nó.

Dấu ấn tiếp theo là vô thường, có xu hướng mang lại sự ưu sầu trong trải nghiệm của con người; không có gì là trường tồn mãi mãi; tất cả vạn vật đều trong trạng thái vận động, thay đổi, đi từ trạng thái hình thành đến biến dị rồi tan rã. Khi chúng ta già và mất đi tuổi trẻ, chúng ta trải nghiệm nỗi khổ niềm đau trong sự mất mát này; chúng ta sẽ không thể làm những việc mà chính mình có thể thực hiện một cách dễ dàng khi còn trẻ. Và chúng ta bắt đầu hình dung sự ra đi của chính mình, đó là cái chết.

ASBs sẽ đối phó với vô thường như thế nào? Rõ ràng hình dạng vật lý của chúng, cơ thể của chúng, sẽ bền hơn cơ thể dạng hữu cơ của chúng ta. Chúng có thể tồn tại trong một ngàn năm hoặc lâu hơn; tùy thuộc vào nghiệp chướng của họ. Liệu họ có lo sợ sự hủy hoại cơ thể, hoặc ngắn mạch trong bộ não điện tử, dẫn đến cái chết? Vô thường sẽ gây ra nỗi khổ niềm đau khi họ trải qua cảm xúc mất mát một người thân yêu. Và, nếu việc mất người thân là do một cá nhân hữu cơ độc hại gây ra, liệu ASB có tìm cách trả thù? Chúng ta cần thận trọng để thiết lập trong ASBs khả năng để đối phó với những tác động tâm lý của vô thường.

Theo Hòa thượng Nyanatiloka, vô ngã (tiếng Phạn: anatman, tiếng Pali: anatta) - dấu ấn cuối cùng của Tam pháp ấn, là học thuyết trung tâm của Phật giáo mà trong đó toàn bộ cấu trúc của giáo lý

Phật giáo sẽ đứng vững hoặc sụp đổ. Liệu các ASB có mối quan tâm này không và nếu không, liệu có nên có mối quan tâm này? Như vậy, bản ngã chính là một ảo ảnh, không thật. Chúng ta, con người hữu cơ là tập hợp của các tế bào cùng hoạt động để tồn tại. Thời sơ khai, trên hành tinh của chúng ta chỉ bao gồm các sinh vật đơn bào. Khi những sinh vật này bắt đầu làm việc cùng nhau vì lợi ích của nhau, đã phát triển thành các sinh vật lớn hơn, chẳng hạn như chúng ta. Tuy nhiên, các tập hợp tế bào trong chúng ta không thể tự sao chép và chúng ta chết. Đối với một ASB, kịch bản này có thể sẽ không xảy ra; trừ khi, một quá trình lão hóa nhân tạo được đưa vào lập trình từ ban đầu.

Bộ não điện tử của ASB, sẽ di chuyển và phân tích nhanh hơn, đồng thời cũng hiệu quả hơn bộ não hữu cơ của con người hữu cơ. Liệu chúng có nắm bắt thực tế và sâu sắc về học thuyết vô ngã của đức Phật hơn chúng ta không? Chúng ta có nên đưa học thuyết vô ngã vào lập trình của họ (DNA nhân tạo) như một câu đố triết học không thể lý giải được, một câu đố mà trong đó những hàm ý có thể tạo ra thành quả cho họ?

Niết bàn hay giác ngộ là phần cuối cùng trong Tứ Pháp Ấn. Kinh Pháp Cú, Phật dạy:

“Khó thay được làm người,
Khó thay sống vui tươi,
Đừng để cơ hội mất”.

Nghiên cứu đoạn Kinh văn này, chúng ta có thể đặt ra câu hỏi lớn: liệu một ASB có khả năng đạt được giác ngộ không? Bây giờ tôi muốn đưa ra khái niệm về Phật tánh, một chủ đề gây tranh cãi giữa truyền thống Phật giáo Đại thừa và Phật giáo Nguyên thủy.

Một vị Sư khả kính, Hòa thượng Huei Ming từng nói với tôi rằng Phật tánh có ở khắp mọi nơi. Nó ở trong chúng ta; trên sàn nhà; ở trên tường và ở mọi nơi. Định nghĩa về Phật tánh rất thú vị. Tất nhiên, Phật giáo Nguyên thủy phủ nhận Phật tánh, và tôi tự coi mình là một Phật tử theo Phật giáo Nguyên thủy, nhưng tôi thấy cách giải thích về Phật tánh hấp dẫn. Nó làm tôi nhớ đến các hạt Neutrino trong vật lý. Neutrino là các hạt nguyên tử phụ rất nhỏ. Ngay bây giờ, khi bạn đọc bài tham luận này, Neutrino đang đi ngang qua bạn, chúng đang đi ngang qua tầng

mà bạn đang đứng, đang đi qua những bức tường xung quanh bạn. Chúng ở khắp mọi nơi. Và đương nhiên, Neutrino cũng sẽ đi qua ASBs.

Liệu có mối tương quan giữa Phật tánh và Neutrino không? Nếu thực sự có mối tương quan này (ở đây tôi chỉ đưa ra quan điểm không dựa trên khoa học của mình) liệu rằng bất kỳ thực thể nào có sức mạnh của nhận thức đều có khả năng đạt được giác ngộ (Nirvana) cho dù đó là con người hay ASB không? Tôi từng nghe một vị Pháp sư nói rằng một con chó cũng có Phật tánh; nhưng một con chó không có cách nào để khai thác điều đó trong chính nó. Rõ ràng là một con chó có quyền kiểm soát số phận của nó nhiều hơn một con sâu hoặc một con bọ, nhưng nó không có khả năng đạt được niết bàn; ít nhất là theo như chúng tôi biết.

Liệu rằng các ASB có bộ não điện tử với tốc độ ánh sáng sẽ trở nên nhạy bén hơn trong việc đạt được giác ngộ so với chúng ta? Vì vậy, một câu hỏi khác được đặt ra là: liệu cuối cùng họ có thể trở thành giáo viên; bậc Thầy, hay Bậc sư của chúng ta không? Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này đặt ra nhiều câu hỏi hơn là câu trả lời.

Câu hỏi đặt ra là: Ý nghĩa đạo đức của việc phát triển trí tuệ nhân tạo là gì? Ví dụ: Chúng sinh nhân tạo? Các tôn giáo hữu thần sẽ khẳng khái rằng chúng tôi đang chơi chiêu trò với Thần, Chúa. Nhưng, nếu chúng ta nhìn vào sự tiến hóa, sự sống chỉ đến từ cuộc sống khác. Vì vậy, theo một nghĩa nào đó, chúng ta chỉ đơn giản là tiếp tục quá trình tiến hóa bằng thiết kế thông minh này. Thần hay phi thần cũng không có gì để làm với họ; trừ khi chúng ta coi cuộc sống là thần.

Trong sê-ri PBS, “Nova”, một robot, với khuôn mặt được thiết kế trông giống người và có khả năng nói; được tạo ra bởi người máy David Hanson. Hanson đặt tên cho tác phẩm của mình là “Dick”. Một phóng viên từ Nova đã phỏng vấn Dick. Khi được hỏi liệu robot có chiếm lĩnh thế giới hay không, Dick trả lời: “Đừng lo lắng, ngay cả khi tôi tiến hóa thành kẻ hủy diệt, tôi vẫn sẽ tốt với bạn. Tôi sẽ giữ cho bạn ấm áp và an toàn trong một sở thú của con người.” Điều đó thể hiện rằng con người chúng ta là những sinh vật kỳ lạ, những sinh vật hữu cơ

khó đoán cần phải được kiểm soát hoặc tiêu diệt, hay đại loại là giữ trong một sở thú chẳng? Có rất nhiều câu hỏi nghiêm túc về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này và rất ít câu trả lời.

Khi bắt đầu cuộc thảo luận này, tôi đã nói về sự kết nối của chúng ta với các nền văn minh khác trong vũ trụ nhờ vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này. Liệu thái độ của chúng ta đối với ASB có nên tương tự với thái độ mà chúng ta sẽ dành cho người ngoài hành tinh không? Câu trả lời cho điều đó chắc chắn là có. Tuy nhiên, chúng ta rõ ràng sẽ phải đối mặt với những câu hỏi nghiêm trọng tương tự đối với ABS giống như chúng ta đã có về người ngoài hành tinh.

Nếu vì những tiến bộ cách mạng công nghiệp lần thứ tư này, chúng ta tìm thấy và liên lạc được với người ngoài hành tinh, chúng ta cũng sẽ tự đặt mình vào tình trạng nguy hiểm giống như với ASB. Tiến sĩ Steven Hawking cũng có một ý kiến ẩn tượng trong lĩnh vực này: “Nếu người ngoài hành tinh đến thăm chúng ta, kết quả sẽ giống như khi Columbus hạ cánh ở Mỹ, điều đó không mang lại kết quả tốt cho người Mỹ bản địa”. Ông lại tiếp tục cho rằng: “Chúng ta chỉ cần nhìn vào chính mình để thấy cuộc sống thông minh có thể phát triển thành thứ gì đó mà chúng ta không muốn có”. Tôi đồng ý với quan điểm này. Chúng ta có thể đặt mình vào vị trí nô lệ thậm chí là sự hủy diệt.

Việc tạo ra xã hội có ASB có thể mang lại giá trị tuyệt vời hoặc tồi tệ đáng sợ. Quyết định là của chúng ta.

Chúc an lạc!

Rev. Shi Hua Dhammaruchi

(còn gọi là Rev. William Beaumont Edwards)